TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 08/2025/QĐST-VHNGĐ

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v: Hủy việc kết hôn trái pháp luật)

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI

Với thành phần giải quyết việt dân sự:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp*:** Ông Nguyễn Văn Thiện

***Thư ký phiên họp*:** Bà Tưởng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hà Nội.

***Đại diện VKSND khu vực 12 – Hà Nội tham gia phiên họp*:** Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 429/2025/TLST-VHNGĐ ngày 10/11/2025 về việc Hủy kết hôn trái pháp luật và xác lập quan hệ hôn nhân, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số: 08/2025/QĐST-VHNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết:*** Chị Nguyễn Thị D– sinh năm 1974.

Nơi ĐKHKTT: Thôn DK, xã VD, TP. Hà Nội.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- UBND xã VD, thành phố Hà Nội

Trụ sở: xã VD, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Ngọc Đ– Chủ tịch UBND xã.

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1967.

Nơi ĐKHKTT: thôn DK, xã VD, TP. Hà Nội.

(*các đương sự đều xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Người yêu cầu - chị Nguyễn Thị Dtrình bày: ngày 26/5/1991, chị có kết hôn với anh Nguyễn Văn N tại UBND xã PT,

huyện UH(nay là xã VD), thành phố Hà Nội, khi đó do nhận thức và hiểu biết về pháp luật hạn chế nên anh chị đã khai anh Nguyễn Văn N là Nguyễn Văn N - sinh năm 1970 và chị là Nguyễn Thị D, sinh năm 1972. Thực tế thì anh N là sinh ngày 10/6/1967, chị sinh ngày 25/10/1974. Sau khi đăng ký kết hôn, tổ chức cưới xong, vợ chồng chung sống và cũng không để ý gì đến Giấy đăng ký kết hôn. Nay, anh chị mới nhận thấy việc kê khai như vậy là không đúng quy định của pháp luật. Nên chị làm đơn đề nghị Tòa hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh N, đồng thời yêu cầu xác lập quan hệ vợ chồng kể từ khi anh chị đủ tuổi đăng ký kết hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: anh chị có 04 con chung là Nguyễn Thị Nhung – sinh ngày 11/10/1992; Nguyễn Thị Hồng - sinh ngày 04/5/1995; Nguyễn Thị Thu Hiền – sinh ngày 22/02/1999 và Nguyễn Ngọc Hân – sinh ngày 15/7/2014, chị đề nghị hủy kết hôn để làm thủ tục kết hôn lại nên tôi không đề nghị Tòa giải quyết về con chung, về tài sản và công nợ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân xã VD, người đại diện theo ủy quyền - ông Nguyễn Ngọc Đtrình bày: Qua tra cứu sổ lưu tại UBND xã PT, huyện UH(nay là xã VD), thành phố Hà Nội thể hiện Nguyễn Thị D- sinh năm 1972 và Nguyễn Văn N - sinh năm 1970 đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện UH(nay là xã VD), thành phố Hà Nội vào ngày 26/5/1991. Ngày 05/11/2025 chị D, anh N làm thủ tục cải chính thông tin về năm sinh theo quy định của pháp luật, sau cải chính ngày sinh của chị Dthành 25/10/1974, anh N thành 10/6/1967. Nay chị Dđề nghị Hủy kết hôn trái pháp luật với lý do anh N là sinh ngày 10/6/1967, chị Dsinh ngày 25/10/1974 mới đúng, khi đăng ký do thiếu hiểu biết nên anh chị khai sai năm sinh của anh chị nên tại thời điểm kết hôn anh N và chị Dchưa đủ tuổi theo quy định pháp luật;

Là người đại diện theo pháp luật của UBND xã VD, ông đề nghị Tòa căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết.

Do công việc của ông rất bận nên ông xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại Tòa và cũng xin được vắng mặt tại phiên tòa/phiên họp xét xử/giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Văn N trình bày: ngày 26/5/1991, anh có kết hôn với chị Nguyễn Thị Dtại UBND xã PT, huyện UH(nay là xã VD), thành phố Hà Nội, khi đó do nhận thức và hiểu biết về pháp luật hạn chế nên anh chị đã khai anh là Nguyễn Văn N - sinh năm 1970 và vợ anh là Nguyễn Thị D, sinh năm 1972. Thực tế thì anh là sinh ngày 10/6/1967, chị Dsinh ngày 25/10/1974. Sau khi đăng ký kết

hôn, tổ chức cưới xong, vợ chồng chung sống và cũng không để ý gì đến Giấy đăng ký kết hôn. Nay, anh chị mới nhận thấy việc kê khai như vậy là không đúng quy định của pháp luật. Nên chị Dlàm đơn đề nghị Tòa hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị D, đồng thời yêu cầu xác lập quan hệ vợ chồng kể từ khi anh chị đủ tuổi đăng ký kết hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, anh chị có 04 con chung là Nguyễn Thị Nhung – sinh ngày 11/10/1992; Nguyễn Thị Hồng - sinh ngày 04/5/1995; Nguyễn Thị Thu Hiền – sinh ngày 22/02/1999 và Nguyễn Ngọc Hân – sinh ngày 15/7/2014, vợ anh đề nghị hủy kết hôn để làm thủ tục kết hôn lại nên anh không đề nghị Tòa giải quyết về con chung, về tài sản và công nợ.

Tại phiên họp, chị D, anh N và đại diện UBND xã VD đều xin vắng mặt và đều không xuất trình thêm bất kỳ tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hà Nội phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trình tự từ khi thụ lý việc dân sự, về quan hệ pháp luật, quá trình thu thập chứng cứ, về thời gian, thời hạn tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, sự trình bày của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên họp đã bảo đảm quy định pháp luật, đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu của chị D, anh N: Hủy Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/5/1991 của UBND xã PT, huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Sơn Bình (nay là xã VD, thành phố Hà Nội) đã cấp cho anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị Dvà công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn N - sinh ngày 10/6/1967 với chị Nguyễn Thị D- sinh ngày 25/10/1974 kể từ thời điểm anh N, chị Dđều đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 26/10/1991. Chị Dphải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Dđã nộp đơn yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ theo quy định - căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc hôn nhân và gia đình này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hà Nội.

Trong quá trình xét đơn yêu cầu, Tòa đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, quyết định mở phiên họp, giải thích quyền và nghĩa vụ cho UBND xã VD; xong tại phiên họp hôm nay, người đại diện cho UBND xã VD đã có đơn xin vắng mặt; anh N và chị Dcũng có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 367 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ như: giấy khai sinh của anh N, giấy khai sinh của chị D, giấy Căn cước công dân anh N, chị D, Trích lục cải chính hộ tịch số 123/2025/TLCCHT ngày 05/11/2025 và trích lục kết hôn số 1756/2025/TLKH-BS ngày 05/11/2025 đều củ UBND xã VD, đều thể hiện anh N là Nguyễn Văn N - sinh ngày 10/6/1967; chị Dlà Nguyễn Thị D- sinh ngày 25/10/1974. Như vậy đã có đủ căn cứ chứng minh tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 26/5/1991: chị Nguyễn Thị D- sinh ngày 25/10/1974 *(16 tuổi, 7 tháng, 01 ngày, chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn)*; anh Nguyễn Văn N - sinh ngày 10/6/1967 (đã đủ tuổi đăng ký kết hôn), do vậy anh N đã khai sinh năm 1970 và chị Dđã khai sinh năm 1972 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Xuất phát từ việc UBND xã PT (nay là xã VD) đã đăng ký kết hôn cho anh N, chị D, tại Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/5/1995 ghi họ tên chồng là Nguyễn Văn N - sinh năm 1970, họ tên vợ là Nguyễn Thị D- sinh năm 1972 đều không đúng ngày tháng năm sinh thực của anh N, chị D. Việc đăng ký kết hôn đã vi phạm vào Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, tại Điều 5 có quy định "*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên"*. Như vậy có căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 26/5/1991 chị Dchưa đủ tuổi đăng ký kết hôn; việc UBND xã PT (nay là xã VD) đã đăng ký kết hôn cho anh N, chị D là sai *(do nhận thức của cán bộ hoặc do cẩu thả)*, đã cấp giấy đăng ký kết hôn trái với quy định của pháp luật. Nay, chị Dcó đơn yêu cầu Tòa hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ theo Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên họp xét đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Anh N, chị Dđều xác định anh chị đã có đủ điều kiện kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 04 con chung, tài sản chung nhưng vì ngày tháng năm sinh của hai anh chị không trùng khớp nhau nên đã ảnh hưởng đến việc giao dịch dân sự trong cuộc sống của anh chị. Anh N và chị Dđều thống nhất đề nghị Tòa công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm anh N và chị Dđủ điều kiện kết

hôn theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, không vi phạm pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, công nhận quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị Dđủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật từ ngày 26/10/1991.

[3] Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị Dđều không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

[4] Về lệ phí, quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị Dkhông phải nộp tiền lệ phí yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật. Chị Nguyễn Thị Dphải nộp tiền lệ phí yêu cầu xác lập quan hệ nhôn nhân theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016; Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 1986); khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014);

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 244, Điều 361, Điều 362, Điều 366, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao và Bộ Tư pháp

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật của chị Nguyễn Thị D.

Hủy Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/5/1991 của UBND xã PT, huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Sơn Bình (nay là xã VD, thành phố Hà Nội) đã cấp cho anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị D.

2. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị D.

Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Văn N - sinh ngày 10/6/1967 và chị Nguyễn Thị D- sinh ngày 25/10/1974 đều trú tại thôn DK, xã VD, thành phố Hà Nội kể từ thời điểm anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị Dđủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật từ ngày 26/10/1991.

Anh Nguyễn Văn N - sinh ngày 10/6/1967 và chị Nguyễn Thị D- sinh ngày 25/10/1974 có quyền, trách nhiệm đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về lệ phí: chị Nguyễn Thị Dphải nộp lệ phí đối với yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng chẵn)* được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0015660 ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 - Hà Nội.

4. Quyết định này có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND khu vực 12 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 12 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND xã VD;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Văn Thiện